

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THANH KHÊ  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2021/KDTM-ST**

Ngày: 27-4-2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ – TPĐÀ NẴNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* bà Dương Thị Thái

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Quyết

Bà Lê Thị Nhớ

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký  
Toà án nhân dân quận Thanh Khê.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham  
gia phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê mở phiên toà  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2020/TLST-KDTM ngày  
18/12/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-KDTM  
ngày 15/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TNHH MTV P**; Địa chỉ: số C, đường G, quận Z,  
thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông E, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L - Chức vụ: Phụ trách phòng  
Tín dụng Ngân hàng TNHH MTV P Chi nhánh Đà Nẵng - Địa chỉ: Số V, đường  
R, quận W, thành phố Đà Nẵng. (Theo Giấy ủy quyền số 48/2020/CASD-  
HO/DNG ngày 26/10/2020 và Giấy ủy quyền số 74/2020/PBVN-DNG ngày  
29/10/2020). *Có mặt*

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH D**; Địa chỉ: Số X, đường Y, phường H, quận K,  
thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S, chức vụ:  
Giám đốc. *Vắng mặt*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng TNHH MTV P trình bày:*

Ngày 29/01/2008, Ngân hàng TNHH MTV P (trước đây là Ngân hàng liên doanh P) chi nhánh Đà Nẵng và Công ty TNHH D (gọi tắt là Công ty D) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số DNG/RC/2008/001. Theo đó, ngân hàng đã cho Công ty D vay 200.000 USD (tương đương 3.394.800.000đồng) để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay 1%/tháng, thời hạn trả nợ chậm nhất vào ngày 31/3/2008. Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty D đã thế chấp cho ngân hàng quyền đòi nợ từ Công ty TNHH F (viết tắt là Công ty F) theo Hợp đồng cầm cố tài sản số DNG/RC/2008/001 ngày 29/01/2008.

Do Công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên vào năm 2009, Ngân hàng TNHH MTV P (gọi tắt là Ngân hàng P) đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty D thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi.

Tại Bản án số 66/2009/KDTM-ST ngày 22/12/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án số 38/2010/KDTM-PT ngày 16/7/2010 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P, buộc F có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng P số tiền mà Công ty D nợ ngân hàng là 2.383.060.483 đồng. Sau khi bản án được thi hành, Công ty F đã thi hành án khoản tiền gốc và lãi phát sinh của Hợp đồng tín dụng số DNG/RC/2008/001 ngày 29/01/2008 là 2.529.877.816đồng.

Ngày 22/10/2015, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao đã ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 21/2015/KDTM-GĐT hủy Bản án số 66/2009/KDTM-ST ngày 22/12/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án số 38/2010/KDTM-PT ngày 16/7/2010 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm lại.

Quá trình Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết sơ thẩm lại, Công ty F có yêu cầu độc lập đối với Ngân hàng P. Đối với số tiền Công ty F đã thi hành án thay cho Công ty D là 2.529.877.816 đồng, Công ty F không đồng ý mà yêu cầu Tòa án buộc Ngân hàng P hoàn trả lại cho Công ty F toàn bộ số tiền này. Bản án số 13/2016/KDTM-ST ngày 15/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không chấp nhận yêu cầu trên đây của Công ty F. Tuy nhiên, Bản án số

03/2017/KDTM-PT ngày 04/01/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty F, buộc Ngân hàng P hoàn trả cho Công ty F số tiền 2.529.877.816 đồng.

Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng P đã hoàn trả số tiền 2.529.877.816 đồng cho Công ty F theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 1682/GXN-CCTHADS ngày 15/10/2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Vì Bản án số 03/2017/KDTM-PT ngày 04/01/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã chấp nhận yêu cầu của Công ty F, buộc Ngân hàng P phải hoàn trả cho Công ty F số tiền đã thi hành án cho khoản nợ của Hợp đồng tín dụng số DNG/RC/2008/001 ngày 29/01/2009 nhưng lại không buộc Công ty D phải có nghĩa vụ đối với khoản vay này. Do vậy, ngày 06/11/2020 Ngân hàng P đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê giải quyết buộc Công ty D trả cho ngân hàng số tiền 2.529.877.816 đồng và tiền lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt lãi quá hạn là 15.630.983đồng; yêu cầu Tòa án buộc Công ty D trả số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số DNG/RC/2008/001 ngày 29/01/2008 là 2.775.607.000đồng, trong đó: nợ gốc 1.898.500.000đồng, nợ lãi tính đến ngày xét xử (ngày 27/4/2021) là 877.107.000đồng (lãi trong hạn 584.738.000đồng, lãi quá hạn 292.369.000đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/4/2021 trên số nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số DNG/RC/2008/001 ngày 29/01/2008.

*\* Bị đơn là Công ty TNHH D vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*\* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư Ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng các quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005 giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:*

#### **Về tố tụng:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có trụ sở tại số X, đường Y, phường H, quận K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn là Công ty D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **Về nội dung:**

[1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền phạt lãi quá hạn là 15.630.983đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 27/4/2021 là 2.775.607.000đ, trong đó: nợ gốc 1.898.500.000đ, nợ lãi là 877.107.000đ thì thấy:

Hợp đồng tín dụng số DNG/RC/2008/001 ngày 29/01/2008 giữa Ngân hàng P và Công ty D được ký kết giữa các pháp nhân hợp pháp, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ.

Căn cứ hợp đồng ký kết giữa các bên và Bản tổng hợp chi tiết do ngân hàng cung cấp, Bản án số 66/2009/KDTM-ST ngày 22/12/2009, Bản án số 38/2010/KDTM-PT ngày 16/7/2010, Quyết định giám đốc thẩm số 21/2015/KDTM-GĐT ngày 22/10/2015, Bản án số 13/2016/KDTM-ST ngày 15/7/2016 và Bản án số 03/2017/KDTM-PT ngày 04/01/2017; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận Ngân hàng P đã cho Công ty D vay số tiền 200.000USD (quy đổi tương đương số tiền 3.394.800.000đ) vào ngày 29/01/2008. Quá trình thực hiện

hợp đồng, tính đến ngày 27/4/2021, Công ty D còn nợ Ngân hàng P số tiền 2.775.607.000đ, bao gồm nợ gốc 1.898.500.000đ và nợ lãi 877.107.000đ.

Việc không trả nợ theo cam kết của bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là bên có lỗi trong việc thực hiện các thỏa thuận đã ký kết do vậy yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng số DNG/RC/2008/001; Điều 51, 54 và 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên cần chấp nhận.

[3]. Công ty D còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/4/2021 đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số DNG/RC/2008/001 ngày 29/01/2008 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4]. Về tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, Công ty D đã thế chấp cho Ngân hàng quyền đòi nợ từ Công ty F theo Hợp đồng cầm cố tài sản số DNG/RC/2008/001 ngày 29/01/2008.

Tuy nhiên tài sản thế chấp trên đây đã được xử lý theo Bản án số 66/2009/KDTM-ST ngày 22/12/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Bản án số 38/2010/KDTM-PT ngày 16/7/2010 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Quyết định giám đốc thẩm số 21/2015/KDTM-GĐT ngày 22/10/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Bản án số 13/2016/KDTM-ST ngày 15/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, Bản án số 03/2017/KDTM-PT ngày 04/01/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Mức án phí cụ thể mà Công ty D phải chịu:  $\{72.000.000đ + (2\% \times 775.607.000đ)\} = 87.512.140đ$ .

Hoàn trả cho Ngân hàng P số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 54 và 56 của Luật tổ chức tín dụng năm 1997;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Xử:**

**1.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt lãi quá hạn là 15.630.983đ (Mười lăm triệu, sáu trăm ba mươi ngàn, chín trăm tám mươi ba đồng).

**2.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV P.

Buộc Công ty TNHH D trả cho Ngân hàng TNHH MTV P số tiền 2.775.607.000đ (Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ bảy ngàn đồng). Trong đó: nợ gốc 1.898.500.000đ (Một tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, năm trăm ngàn đồng), nợ lãi 877.107.000đ (Tám trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm lẻ bảy ngàn đồng).

Công ty TNHH D phải tiếp tục chịu nghĩa vụ trả lãi kể từ ngày 28/4/2021 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số DNG/RC/2008/001 ngày 29/01/2008.

**3.** Buộc Công ty TNHH D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 87.512.140đ (Tám mươi bảy triệu, năm trăm mười hai ngàn, một trăm bốn mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TNHH MTV P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.298.778đ theo Biên lai thu số 0002496 ngày 17.12.2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê.

**4.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**DƯƠNG THỊ THÁI**